TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: **15/11/2019**
V/v ***"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Khánh**
2. Ông **Nguyễn Thế Nam**

-Thư ký phiên tòa : Ông **Nguyễn Thành Hải** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: **Nguyễn Văn Cường** – Kiểm sát viên

Ngày 15/11/2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1981.

2. Bị đơn: anh **Võ Ngọc H**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp X, xã Y, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/8/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: chị ly hôn với anh Võ Ngọc H năm 2018, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Nay chị yêu cầu chia các tài sản gồm đất thuộc thửa 15 tờ 37 xã Y; căn nhà và sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37 xã Y; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho nằm trên đất thửa 13 tờ 43 xã Y; 01 tấn tiêu trị giá 45.000.000 đồng. Chị yêu cầu giao toàn bộ các tài sản trên cho anh H được quyền sở hữu, sử dụng, anh H thanh toán cho chị ½ giá trị tài sản chung bằng tiền theo giá trị đã được thẩm định giá.

Tại phiên tòa chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản là 01 tấn tiêu trị giá 45.000.000 đồng

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: tự khai; CMND, sổ hộ khẩu (photo), bản án ly hôn số 39 ngày 30/10/2018, hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 15 tờ 37 xã Y.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019, các lời khai bổ sung bị đơn anh Võ Ngọc H trình bày: năm 2018 anh và chị H ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Đất tại thửa 15 tờ 37 xã Y và căn nhà xây trên đất là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia cho chị H. Đối với các tài sản gồm sân, hàng rào, giếng khoan, mái che trên thửa 15 tờ 37 xã Y là tài sản anh chị tạo dựng sau khi kết hôn nên đồng ý chia ½ giá trị cho chị H theo kết quả thẩm định giá.

Hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, nhà kho, bể nước, mái che thuộc thửa 13 tờ 43 xã Y là tài sản chung của anh chị nhưng anh có công sức tạo dựng nhiều hơn nên chỉ đồng ý chia cho chị H 04/10 tổng giá trị theo kết quả thẩm định giá.

Về 01 tấn tiêu anh đã bán với giá 45.000.000 đồng và dùng trả nợ chung của anh chị nên không còn để chia cho chị H.

Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ: không có.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: chứng thư thẩm định giá số 131 ngày 19/9/2019.

- **Ý kiến của kiểm sát viên**:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, tuy nhiên Tòa án chưa thu thập bản sao chứng thực CMND và hộ khẩu của bị đơn.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, riêng anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

+ Về nội dung vụ án: chia cho chị H 3/10 giá trị đất thuộc thửa 15 tờ 37 xã Y; các tài sản còn lại chia cho chị H ½ giá trị gồm căn nhà và sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37 xã Y; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho nằm trên đất thửa 13 tờ 43 xã Y. Giao cho anh H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản trên, anh H thanh toán giá trị tài sản được chia cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: sau khi ly hôn, do không tự thỏa thuận nên chị Phạm Thị H khởi kiện anh Võ Ngọc H yêu cầu chia tài sản, đây là vụ kiện "Tranh

chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Long Khánh

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Võ Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia 01 tấn tiêu trị giá 45.000.000 đồng, xét việc rút đơn của chị là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Chị H cho rằng tài sản chung của vợ chồng gồm đất tại thửa 15 tờ 37 xã Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Võ Ngọc H và chị Phạm Thị H; căn nhà và sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37 xã Y; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho xây dựng trên thửa 13 tờ 43 xã Y.

Anh H cho rằng trong các tài sản chị H kê khai thì đất tại thửa 15 tờ 37 xã Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Võ Ngọc H và chị Phạm Thị H và căn nhà xây trên đất là tài sản riêng của anh, nguồn gốc đất và nhà là của cha mẹ tạo dựng trước khi anh kết hôn với chị H. Các tài sản còn lại anh thống nhất là tài sản chung.

Theo chứng thư thẩm định giá số 131 ngày 19/9/2019 xác định đất tại thửa 15 tờ 37 xã Y trị giá 3.407.750.000 đồng; căn nhà xây dựng trên thửa 15 tờ 37 trị giá 245.700.000 đồng; sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37 tổng trị giá 78.894.000 đồng; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho xây dựng trên thửa 13 tờ 43 xã Y tổng trị giá 708.935.000 đồng. Các tài sản này hiện do anh H trực tiếp quản lý sử dụng.

[4] Qua xem xét chứng cứ là hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất sao lục từ Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh thì thấy đất tại thửa 15 tờ 37 xã Y có nguồn gốc của Nông trường cao su Hàng Gòn, ông Võ Văn Ng và bà Nguyễn Thị T được sử dụng để cất nhà ở. Năm 2000 thì cho con là anh H và chị H được quyền sử dụng, năm 2004 anh H chị H được bàn giao đất theo quyết định 747/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 16/3/2004 và anh chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy nguồn gốc đất thửa 15 tờ 37 xã Y là đất của nhà nước giao quyền sử dụng đất cho anh H chị H, anh H cho rằng đây là tài sản anh được cha mẹ tặng cho, là tài sản riêng của anh nhưng không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của anh nên chấp nhận đất tại thửa 15 tờ 13 là tài sản chung của anh H và chị H. Tuy nhiên xét về công sức đóng góp giữ gìn tôn tạo đất thì ông Ngh và bà T cũng có thời gian dài quản lý, giữ gìn đất, sau đó giao cho anh H và chị H tiếp tục sử dụng cho đến lúc đủ điều kiện được nhà nước giao đất, do đó chỉ chấp nhận chia cho chị H 1/3 giá trị đất là 1.135.916.666 đồng.

[5] Anh chị đều thống nhất căn nhà trên thửa 15 tờ 37 xây trước khi anh chị kết hôn, chị H cho rằng vừa xây nhà xong thì anh chị kết hôn, chị cùng anh H thanh toán ½ giá trị căn nhà do khi xây còn thiếu nợ. Ban đầu anh H khai anh và chị H chỉ thanh toán khoảng ¼ giá trị căn nhà, sau anh khai đây là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia. Xét lời trình bày của hai bên thì thấy mặc dù căn nhà

xây trước khi anh chị kết hôn nhưng anh chị có đóng góp công sức, có thời gian dài sử dụng giữ gìn, tôn tạo căn nhà, nhà gắn liền với đất thửa 15 tờ 37 và đến năm 2016 đã được cấp quyền sử dụng cho anh chị, do đó chấp nhận chia 1/3 giá trị căn nhà cho chị H là 81.900.000 đồng.

[6] Các tài sản khác gồm sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho xây dựng trên thửa 13 tờ 43 xã Y anh chị đều thống nhất đây là tài sản chung được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Việc anh H cho rằng anh có công sức đóng góp nhiều hơn trong các tài sản chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho xây dựng trên thửa 13 tờ 43 xã Y là không có cơ sở chấp nhận vì lao động trực tiếp của anh H hay công việc nội trợ của chị H cũng được xem là có công sức như nhau. Do đó đối với các tài sản này chấp nhận chia ½ giá trị cho chị H là 393.914.500 đồng.

Như vậy chia anh H được quyền sử dụng, sở hữu đối với toàn bộ tài sản chung và anh có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chung cho chị H là 1.611.731.166 đồng.

[7] Các vấn đề khác: chị H nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá 29.000.000 đồng, anh H hoàn trả cho chị H ½ chi phí thẩm định giá là 14.500.000 đồng.

[7] Về án phí: chị H phải chịu 60.351.934,98 đồng tiền án phí DSST đối với giá trị tài sản được chia. Anh H phải chịu 88.590.956,68 đồng tiền án phí DSST đối với giá trị tài sản được chia.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 95 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H

Chia cho anh Võ Ngọc H được quyền sử dụng đối với diện tích đất thuộc thửa 15 tờ 37 xã Y, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 163271 ngày 29/11/2016 cấp cho anh Võ Ngọc H và chị Phạm Thị H. Anh Võ Ngọc H được quyền sở hữu các tài sản gồm căn nhà, sân, hàng rào, giếng khoan, mái che xây dựng trên thửa 15 tờ 37 xã Y; hệ thống chuồng trại nuôi heo, nhà rẫy, sân, giếng khoan, bể nước, nhà kho xây dựng trên thửa 13 tờ 43 xã Y.

Anh Võ Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho chị Phạm Thị H giá trị tài sản là **1.611.731.166** *(Một tỷ sáu trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn một trăm sáu mươi sáu)* đồng.

Anh Võ Ngọc H thanh toán cho chị Phạm Thị H **14.500.000** *(Mười bốn triệu năm trăm ngàn)* đồng tiền chi phí tố tụng.

Anh Võ Ngọc H có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản được chia.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị Phạm Thị H phải chịu 60.351.934,98 đồng tiền án phí DSST, chuyển 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 009546 ngày 04/4/2019 thành án phí, chị H còn nộp tiếp **57.226.934,98** đồng tiền án phí.

+ Anh Võ Ngọc H phải chịu **88.590.956,68** đồng tiền án phí DSST.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Long Khánh;*
- *Lưu án văn ;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Mỹ Lệ